

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2017/HC-PT**  
Ngày: 27-5-2017  
V/v :“Khởi kiện hành vi hành  
chính về việc thu hồi, bồi  
thường đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Lê Ngọc Minh**

Các Thẩm phán: ông **Trần Hà** và ông **Nguyễn Hữu Trúc.**

Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Thị Ngọc Uyên** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: ông **Trần Ngọc Quỳnh** – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 25 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 07/2016/TLPT-HC ngày 22 tháng 12 năm 2016 về việc “Khởi kiện hành vi hành chính về việc thu hồi, bồi thường đất”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 03/2016/HC-ST ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2017/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** ông Nguyễn Tấn Q, sinh năm 1945; trú tại Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* bà Trần Thị Như T – Luật sư Văn phòng Luật sư D thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**2. Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T, tỉnh Phú Yên.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn NT – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện T. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

**Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Nguyễn Tấn Q.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

### ***\*Người khởi kiện ông Nguyễn Tấn Q trình bày:***

Năm 2014, UBND huyện T thu hồi đất diện tích 79,4m<sup>2</sup> tại thôn P, xã A, huyện T của gia đình ông Q để thực hiện công trình mở rộng Quốc lộ 1A. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T đã xác định diện tích thu hồi và kiểm đếm tài sản trên đất. Đến tháng 03/2014, ông Q nhận được thông báo bồi thường tài sản nhưng không bồi thường về đất cho hộ gia đình ông. Ông Q đã khiếu nại đến UBND huyện T yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất đối với diện tích bị thu hồi. UBND huyện T đã giải quyết khiếu nại không công nhận nội dung khiếu nại vì cho rằng diện tích đất thu hồi nằm trong quy hoạch giao thông.

Ông Q cho rằng diện tích đất bị thu hồi 79,4m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích 490,1m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông. Tuy diện tích đất bị thu hồi thuộc phần đất quy hoạch giao thông, nhưng theo quy định của pháp luật thì diện tích này vẫn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông, chỉ bị hạn chế trong việc xây dựng trên đất. UBND huyện T không bồi thường, hỗ trợ là gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông. Ông Q yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện T bồi thường, hỗ trợ về đất đối với diện tích 79,4m<sup>2</sup> bị thu hồi theo đúng quy định.

Tại phiên tòa ngày 29/6/2016, ông Q được biết ngày 04/2/2015, Chủ tịch UBND huyện T có Công văn số 09/UBND trả lời khiếu nại của ông về việc thu hồi đất không bồi thường. Ngày 29/6/2016, ông Q có đơn kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 09/UBND ngày 04/02/2015 của Chủ tịch UBND huyện T. Đến ngày 16/9/2016, ông Q rút yêu cầu khởi kiện đối với Công văn số 09/UBND ngày 04/02/2015 của Chủ tịch UBND huyện T.

### ***\*Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:***

Nguồn gốc đất: Diện tích đất bị thu hồi 79,4m<sup>2</sup> thuộc thửa số 818, tờ số 3 (Bản đồ 299 lập năm 1993), loại đất hoa màu có diện tích 910m<sup>2</sup>, người sử dụng là Hợp tác xã Nông nghiệp A. Theo bản đồ địa chính lập năm 1997, thửa đất trên là thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10, loại đất thổ cư diện tích 350m<sup>2</sup>, theo sổ mục kê người sử dụng là ông Nguyễn Tấn Q. Ngày 31/01/2011, UBND xã A ký đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tấn Q, đề nghị UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 183, tờ bản đồ số 10, loại đất thổ cư, diện tích 158m<sup>2</sup>. Ngày 07/6/2012, UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tấn Q với diện tích 158m<sup>2</sup> đất ở nông thôn, ông Q phải nộp tiền sử dụng đất 50% giá trị đất tại thời điểm cấp giấy. Khi lập hồ sơ kỹ thuật áp giá bồi thường, thửa đất 183 được xác định là thửa đất số 139, loại đất theo hiện trạng là ONT+BHK, chủ sử dụng là ông Nguyễn Tấn Q, diện tích 490,1m<sup>2</sup>, thu hồi 79.4m<sup>2</sup>, diện tích còn lại là 410.7m<sup>2</sup>.

Căn cứ khoản 1, Điều 50 của Luật đất đai 2003: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận không có tranh chấp mà có một trong các loại giấy tờ sau đây thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phải nộp tiền sử dụng đất:

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong sổ đăng ký ruộng đất, sổ địa chính;

Như vậy, thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10, diện tích là 350m<sup>2</sup>, có tên trong sổ địa chính lập năm 1998, thừa nhận là đúng.

Tuy nhiên UBND huyện T không tính bồi thường 79,4m<sup>2</sup> đất bị ảnh hưởng Quốc lộ 1 năm 2014 với lý do: Sau khi kiểm tra các loại giấy tờ và hồ sơ địa chính lập từ năm 1997, năm 1998. Cụ thể như sau:

Về giao đất khi thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, năm 1995 xã A xét đề nghị giao đất cho ông Nguyễn Tấn Q, hộ ông Q được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G418720, ngày 31/10/1997 tổng diện tích đất 3.905m<sup>2</sup>. Trong đó diện tích đất nông nghiệp là 895m<sup>2</sup> (thửa 135, thửa 222), diện tích đất ở được công nhận: 200m<sup>2</sup> đất ở, đất vườn 2810m<sup>2</sup> (thửa số 68, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299/TTg đo năm 1993, nay là thửa số 253, tờ bản đồ số 10, bản đồ địa chính đo năm 1998).

Vào ngày 29/3/1997, ông Nguyễn Tấn Q có đơn xin đất ở 120m<sup>2</sup>, được Hợp tác xã Nông nghiệp (HTXNN) xã A và UBND xã A ký xác nhận. Nguồn gốc thửa đất số 818, tờ bản đồ số 03, diện tích 910m<sup>2</sup>, loại đất màu do HTX NN xã A quản lý, sau khi thực hiện Nghị định 64-CP, thửa 183, tờ bản đồ số 10 là do UBND xã quản lý. Đất này không phải do ông Q tạo lập trước năm 1993, mà do nhà nước giao năm 1997 để làm nhà ở, đã trừ diện tích nằm trong quy hoạch hành lang giao thông.

Năm 1997 đo đạc, lập sổ mục kê, vào sổ địa chính, thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10, diện tích đất là 350m<sup>2</sup> (đất ở 200m<sup>2</sup>, đất vườn 150m<sup>2</sup>) do UBND xã A thiếu kiểm tra khi vào sổ địa chính dẫn đến sai sót. Vấn đề này, UBND huyện sẽ đề nghị với Sở TM chỉnh lý theo quy định.

Ngày 10/4/2002, ông Q có làm bản cam kết thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo vệ công trình giao thông và an toàn giao thông đường bộ. Có nội dung cam kết không coi nói nhà hay xây dựng bất kỳ công trình gì lấn chiếm hành lang bảo vệ đường bộ. Như vậy, ông Q đã thừa nhận diện tích nằm trong chỉ giới 27,2m là đất quy hoạch giao thông do Nhà nước quản lý.

Ngày 30/01/2011, UBND xã A ký đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 183, tờ bản đồ số 10, diện tích 158m<sup>2</sup> đất ở, nộp tiền sử dụng đất 50% giá trị tại thời điểm cấp giấy. Do đó, khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện đã trừ đất quy hoạch giao thông là đúng quy định.

Từ những cơ sở trên, diện tích 79,4m<sup>2</sup> đất bị thu hồi thực hiện Dự án Quốc lộ 1 năm 2014 là đất quy hoạch giao thông đường Quốc lộ 1, tính từ tim đường ra mỗi bên là 27,2m (tính từ chân mái ta lỵ là 20m) quy định tại Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/2/1982 của Hội đồng Bộ trưởng. Do đó, diện tích 79,4m<sup>2</sup> đất này nằm trong quy hoạch giao thông do nhà nước quản lý, nên không được bồi thường là đúng quy định.

**\*Tại bản án hành chính sơ thẩm số 03/2016/HCST ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã quyết định:**

Áp dụng Điều 43 Luật đất đai năm 2003; Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004; khoản 3 Điều 91 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ. Điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn Q đòi Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường, hỗ trợ về đất đối với diện tích 79,4m<sup>2</sup> tại thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại thôn P, xã A, huyện T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phân án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 11 năm 2016, người khởi kiện ông Nguyễn Tấn Q kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Các đương sự giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

\*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: ông Q khởi kiện hành vi hành chính của UBND huyện T chứ không nhận được quyết định thu hồi đất. UBND huyện T không ra quyết định giải quyết khiếu nại nhưng ra Công văn số 09/UBND ngày 04/02/2015 của UBND huyện T. Xét hình thức là

công văn, không phải là Quyết định hành chính là đối tượng khởi kiện. Do đó, ông Q rút yêu cầu khởi kiện này, tiếp tục khởi kiện hành vi hành chính là phù hợp; về việc cấp sơ thẩm không mời bà Nguyễn Thị TB (vợ ông Q) nhưng tại cấp phúc thẩm đã ủy quyền cho ông Q.

Về nội dung: Diện tích đất 79,4m<sup>2</sup> ông Q yêu cầu bồi thường hỗ trợ nằm trong diện tích ông được UBND xã A giao đất 350m<sup>2</sup> và khai hoang lên 490,1m<sup>2</sup>. Tại hồ sơ địa chính là 350m<sup>2</sup>. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi 158m<sup>2</sup> cộng phần đất quy hoạch giao thông gia đình ông đang sử dụng có diện tích 350m<sup>2</sup>. Do đó, yêu cầu UBND huyện T phải lập phương án thu hồi, bồi thường và hỗ trợ đối với diện tích đất 79,4m<sup>2</sup> bị thu hồi theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa trình bày quan điểm và đề xuất giải quyết vụ án hành chính theo hướng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm chưa xem xét các căn cứ bồi thường cho ông Q. Về thủ tục tố tụng, cấp sơ thẩm chỉ đưa ông Q tham gia tố tụng là thiếu người tham gia tố tụng (bà Nguyễn Thị TB là vợ ông Q); cấp sơ thẩm không đưa Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 28/4/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện Dự án Quốc lộ 1A qua xã A, huyện T kèm theo Bảng tổng hợp ngày 28/4/2017 và bảng tính chi tiết số 35 ngày 17/3/2014 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T, Công văn hành chính số 09/UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tấn Q là thụ lý sai đối tượng và chưa giải quyết Quyết định 475 và Công văn số 09 là không đúng.

Do đó, đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính tuyên hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2016/HCST ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Tuy An, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các bên đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên. Hội đồng xét xử nhận định:

Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Tấn Q khởi kiện hành vi hành chính của UBND huyện T thu hồi đất của hộ gia đình ông nhưng

không ban hành quyết định thu hồi, không bồi thường, hỗ trợ trên diện tích bị thu hồi cho gia đình ông. TAND huyện Tuy An xác định đây là khiếu kiện hành vi hành chính thuộc đối tượng khởi kiện của Tòa án nên thụ lý và giải quyết.

Tuy nhiên, liên quan đến Công văn số 09/UBND ngày 04/2/2016 của Chủ tịch UBND huyện T. Tại phiên tòa ngày 29/6/2016, ông Q có khai ông không nhận được Công văn số 09/UBND ngày 04/2/2015 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại cho ông Quang. Ngày 29/6/2016, ông Q có đơn khởi kiện bổ sung đối với Công văn số 09 nêu trên. Đến ngày 16/9/2016, tại phiên đối thoại ông Q trình bày: *“Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 29/6/2016, tôi thấy không cần thiết vì vậy tôi không yêu cầu nữa”*. Do đó, ông Q xin rút yêu cầu khởi kiện đối với Công văn số 09/UBND, chỉ yêu cầu buộc UBND huyện T phải bồi thường đối với diện tích 79,4m<sup>2</sup> đất bị thu hồi.

HĐXX nhận thấy: Tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện T(BL75) có nội dung: *“UBND huyện T đã giải quyết khiếu nại cho ông Q nhưng UBND huyện không ra quyết định giải quyết khiếu nại, chỉ ban hành công văn số 09 ngày 04/02/2015 và gửi qua đường bưu điện cho ông Q”*. Như vậy, công văn số 09/UBND ngày 04/02/2015 của Chủ tịch UBND huyện T không ban hành dưới hình thức quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011 nhưng lại chứa đựng nội dung của quyết định hành chính được áp dụng một lần đối với ông Nguyễn Tấn Q, nội dung trả lời liên quan trực tiếp đến hành vi thu hồi diện tích đất 79,4m<sup>2</sup> nhưng không ra quyết định thu hồi, không lập phương án bồi thường đối với diện tích đất của gia đình ông Nguyễn Tấn Q. Nội dung của công văn số 09/UBND ngày 04/2/2015 của Chủ tịch UBND huyện T có liên quan trực tiếp đến yêu cầu khởi kiện của ông Quang.

Trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm phải hướng dẫn và giải thích cho người khởi kiện hiểu được mối liên quan và hệ quả của việc không khởi kiện đối với Công văn số 09 bởi lẽ trên thực tế, Công văn 09 đang tồn tại, có hiệu lực pháp luật, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông Q và gắn liền với yêu cầu khởi kiện của ông buộc Ủy ban nhân dân huyện T phải bồi thường diện tích 79,4m<sup>2</sup> đất của gia đình ông.

Mặt khác, tại thời điểm xét xử vụ án ngày 26/10/2016, Luật Tố tụng hành chính năm 2015 đã có hiệu lực. Tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 104/2015/QH13 về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính quy định: *“Đối với những vụ án hành chính đã được Tòa án thụ lý trước ngày 01 tháng 7 năm 2016, nhưng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 mới xét xử theo thủ tục sơ thẩm thì áp dụng quy định của Luật này để giải quyết”*. Tại khoản 1, điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 có quy định: *“Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về*

*quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, danh sách cử tri bị khởi kiện, quyết định giải quyết khiếu nại và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.”*

Đồng thời tại cấp phúc thẩm, yêu cầu UBND huyện T cung cấp chứng cứ là Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 28/4/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện Dự án Quốc lộ 1A qua xã A, huyện T kèm theo Bảng tổng hợp ngày 28/4/2017 và bảng tính chi tiết số 35 ngày 17/3/2014 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T. Quyết định này liên quan trực tiếp đến yêu cầu thu hồi, bồi thường đất của hộ gia đình ông Q.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công văn số 09/UBND và Quyết định số 475, kèm theo bảng tổng hợp và bảng tính chi tiết số 35 nêu trên vào làm đối tượng khởi kiện trong vụ án này là không đảm bảo quyền lợi hợp pháp và chính đáng của các bên đương sự. Cấp sơ thẩm không đưa người tham gia tố tụng là bà Nguyễn Thị TB (vợ ông Q) là người được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và người tham gia tố tụng là Chủ tịch UBND huyện T là người giải quyết khiếu nại cho ông Nguyễn Tấn Q. Đây là sai sót của cấp sơ thẩm, HĐXX cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục tố tụng quy định.

Về án phí: ông Nguyễn Tấn Q không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 32, khoản 3, Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Tuyên xử: Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 03/2016/HC-ST ngày 26/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tuy An. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử lại theo thẩm quyền.

**Về án phí:** Căn cứ Điều 344, 348, 349 Luật tố tụng hành chính; Điều 34, 35, 37 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Người khởi kiện ông Nguyễn Tấn Q không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Nguyễn Tấn Q 200.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0003287 ngày 15/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND huyện Tuy An (2);
- VKSND H. Tuy An (1);
- CQ THADS huyện T(1);
- Cục THADS Tỉnh (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Ngọc Minh**





***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND huyện T(2);
- VKSND H. Tuy An (1);
- CQ THADS huyện T(1);
- Cục THADS Tỉnh (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Ngọc Minh**

